

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI: NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN

Nguyễn Thị Phương Thanh^{1*}, Nguyễn Phương Mai²

¹Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

²Khoa Khoa học Xã hội và Văn hóa du lịch, Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

Ngày nhận bài: 03/9/2025; Ngày chỉnh sửa: 15/9/2025; Ngày duyệt đăng: 18/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.59775/1859-3968.342>

Tóm tắt

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên lịch sử là một yêu cầu cấp thiết. Bài báo tập trung phân tích thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong quá trình đào tạo giáo viên tại khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, thông qua phương pháp nghiên cứu lý luận và phỏng vấn sâu với sinh viên, giảng viên và chuyên gia. Kết quả chỉ ra những thách thức cốt lõi như hố sâu ngăn cách giữa lý thuyết và thực hành, sự thiếu vắng một không gian thực hành để sinh viên chuyên hóa kiến thức thành kỹ năng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp rèn luyện năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên, bao gồm: đổi mới và phát triển các học phần phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tính trải nghiệm, thực hành; xây dựng chuyên đề nâng cao về tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy môn học, áp dụng hồ sơ năng lực để đánh giá quá trình... Các giải pháp này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên Lịch sử tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội mà còn cung cấp một mô hình tham khảo giàu tính thực tiễn cho các cơ sở đào tạo giáo viên trên cả nước.

Từ khóa: Hoạt động trải nghiệm, dạy học Lịch sử, sư phạm Lịch sử.

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam, Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 đã đánh dấu một bước chuyển mình mạnh mẽ từ giáo dục tiếp cận nội dung sang định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Một trong những phương pháp quan trọng để

hiện thực hóa mục tiêu này là tổ chức hoạt động trải nghiệm (HĐTN) - một cách tiếp cận sư phạm khuyến khích học sinh tham gia trực tiếp vào quá trình kiến tạo tri thức và phát triển kỹ năng thông qua trải nghiệm thực tế [1]. Đối với môn Lịch sử, một môn học có vai trò đặc biệt trong việc giáo dục tư tưởng, lòng yêu nước và hình thành nhân

cách, HĐTĐN không chỉ là phương pháp minh họa kiến thức mà đã trở thành con đường cốt lõi giúp học sinh khám phá quá khứ một cách sinh động, kết nối lịch sử với hiện tại và phát triển năng lực tư duy lịch sử [2]. Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: 1. Sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử nhận thức như thế nào về hoạt động trải nghiệm môn học? 2. Những biện pháp nào có thể thực hiện để cải tiến việc tổ chức hoạt động trải nghiệm môn học cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử - trường ĐHSPT Hà Nội?

* *Tổng quan nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử.*

Lý thuyết học tập trải nghiệm của các nhà giáo dục học tiên phong như John Dewey và David Kolb đã khẳng định rằng kinh nghiệm trực tiếp là nguồn gốc sâu sắc nhất của quá trình học tập và phát triển tư duy [3]. Vận dụng vào dạy học Lịch sử, HĐTĐN giúp học sinh không chỉ nắm vững kiến thức một cách sâu sắc mà còn phát triển các năng lực chung (tự chủ, giao tiếp, hợp tác) và năng lực đặc thù môn học (tìm hiểu, khám phá, tái hiện và vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn) [4]. Để triển khai hiệu quả HĐTĐN, vai trò của giáo viên phải thay đổi, từ người truyền thụ kiến thức một chiều trở thành người thiết kế, hướng dẫn, tạo điều kiện và đánh giá quá trình trải nghiệm của học sinh [5]. Điều này đặt ra một yêu cầu cấp thiết về việc bồi dưỡng và phát triển năng lực tổ chức HĐTĐN cho đội ngũ giáo viên, đặc biệt là ngay từ quá trình đào tạo tại các trường sư phạm [6].

Một trong những yếu tố then chốt quyết định sự thành công của một hoạt động trải nghiệm là năng lực tổ chức của giáo viên. Theo Teresa BEHR và cộng sự [7], việc áp dụng thành công học tập trải nghiệm đòi hỏi giáo viên phải đảm nhận những vai trò và trách nhiệm mới, không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mà còn phải là người thiết kế hoạt động, hướng dẫn, tạo điều kiện và đánh giá quá trình trải nghiệm của học sinh. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về

việc nghiên cứu và phát triển năng lực tổ chức HĐTĐN cho giáo viên, đặc biệt là trong bối cảnh đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay [1].

* *Tổng quan về năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên.*

Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên môn Lịch sử như một cấu trúc đa chiều, bao gồm các thành tố cốt lõi (kiến thức, kỹ năng, thái độ) tương tác lẫn nhau và chịu ảnh hưởng của các yếu tố bối cảnh, trong đó kiến thức là nền tảng, kỹ năng là phương tiện, thái độ là động lực để giáo viên tổ chức hoạt động trải nghiệm thành công. Các yếu tố bối cảnh có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến việc phát triển và thể hiện năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên. Năng lực này được thể hiện qua khả năng giáo viên thiết kế, tổ chức, điều khiển và đánh giá các hoạt động trải nghiệm hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Lịch sử.

Tổng quan các nghiên cứu cho thấy, trên thế giới, việc bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTĐN cho giáo viên đã được quan tâm từ lâu, tập trung vào việc xác định vai trò, kỹ năng cần thiết và các mô hình phát triển chuyên môn hiệu quả [4, 8]. Tại Việt Nam, nhiều công trình đã đề cập đến việc vận dụng HĐTĐN trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông [9, 10]. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào việc thiết kế hoạt động cho học sinh hoặc đánh giá hiệu quả của phương pháp, mà chưa có một công trình nào đi sâu vào nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về việc phát triển năng lực tổ chức HĐTĐN cho sinh viên sư phạm Lịch sử - những giáo viên tương lai - ngay trong quá trình đào tạo tại trường đại học.

Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, cơ sở đào tạo giáo viên trọng điểm của cả nước, thực tiễn cho thấy công tác này vẫn còn những hạn chế nhất định. Nội dung về HĐTĐN chưa được xây dựng thành một học phần chuyên biệt mà chỉ được tích hợp gián tiếp, mang tính

lí thuyết trong các học phần về phương pháp dạy học. Sinh viên thiếu cơ hội thực hành, trải nghiệm thiết kế và tổ chức các HĐTN một cách bài bản, dẫn đến tình trạng lúng túng khi bước vào thực tập sư phạm và giảng dạy thực tế [6]. Khoảng trống này trong chương trình đào tạo nếu không được giải quyết kịp thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng triển khai Chương trình GDPT 2018 môn Lịch sử ở các trường phổ thông [2].

Trong bối cảnh ngành giáo dục Việt Nam đang triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới (2018), việc nghiên cứu về năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên Lịch sử mang tính thời sự cấp thiết. Chương trình mới nhấn mạnh việc phát triển năng lực học sinh, trong đó HĐTN được xem là một phương pháp giúp học sinh rèn luyện năng lực tư duy phân biệt, giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề [2]. Vì những lí do trên, việc thực hiện nghiên cứu “Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường phổ thông cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội” là một yêu cầu mang tính cấp thiết cả về lí luận và thực tiễn, góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên lịch sử đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đề ra, nghiên cứu này sử dụng *phương pháp nghiên cứu định tính* thông qua phỏng vấn sâu làm chủ đạo, kết hợp giữa nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn. Cách tiếp cận này được lựa chọn nhằm khám phá một cách toàn diện và sâu sắc bản chất phức tạp của vấn đề đào tạo năng lực nghề nghiệp, vốn không thể đo lường đầy đủ chỉ bằng các con số định lượng.

Quá trình nghiên cứu được triển khai một cách hệ thống và bài bản. Đầu tiên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành lựa chọn người tham gia theo phương pháp lựa chọn có chủ đích để đảm bảo các đối tượng được phỏng vấn có đủ

kinh nghiệm, thông tin và phù hợp nhất với mục tiêu của đề tài (Bao gồm các sinh viên năm thứ ba và thứ tư ngành Sư phạm Lịch sử, các giảng viên giàu kinh nghiệm đang trực tiếp giảng dạy các học phần phương pháp dạy học tại khoa Lịch sử và một số chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý của Khoa Lịch sử nói riêng, trường Đại học sư phạm Hà Nội nói chung).

Sau khi có được sự đồng thuận tham gia của các đối tượng nói trên, các cuộc phỏng vấn đã được sắp xếp và thực hiện trong một không gian yên tĩnh, riêng tư nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ cởi mở và sâu sắc. Bộ câu hỏi phỏng vấn được thiết kế dựa trên các nguyên tắc của nghiên cứu định tính, sử dụng chủ yếu câu hỏi mở để khuyến khích người tham gia chia sẻ câu chuyện và quan điểm một cách tự nhiên. Nội dung các câu hỏi xoay quanh bốn chủ đề chính: (1) Nhận thức về vai trò của HĐTN trong đào tạo giáo viên Lịch sử; (2) Thực trạng triển khai và hiệu quả của các hoạt động đào tạo tại khoa Lịch sử; (3) Những khó khăn, thách thức từ góc nhìn của người dạy và người học; (4) Các đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài từ 60 đến 90 phút, được ghi âm lại và ghi chép bổ sung để không bỏ sót bất kỳ dữ liệu quan trọng nào. Toàn bộ dữ liệu âm thanh sau đó đã được gỡ băng và chuyển thành văn bản một cách trung thực. Cuối cùng, nhóm nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích nội dung theo chủ đề để mã hóa, hệ thống hóa dữ liệu và rút ra những kết luận cơ bản, đáng tin cậy từ các cuộc đối thoại.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

Dữ liệu phỏng vấn thu được cho thấy có hai vấn đề lớn nổi bật, phản ánh những nhận thức của giảng viên và sinh viên trong công tác đào tạo giáo viên lịch sử nói chung và

rèn luyện năng lực tổ chức HĐTN cho sinh viên hiện nay nói riêng, đồng thời đề xuất các biện pháp để cải thiện thực trạng tổ chức và phát triển năng lực này của các giáo viên lịch sử trong tương lai:

- Thứ nhất là nhận thức về tầm quan trọng của lí thuyết và năng lực triển khai trong thực tiễn các hoạt động trải nghiệm của sinh viên trong giảng dạy các học phần về phương pháp dạy học:

Để hoàn thiện bức tranh thực tiễn, nghiên cứu cũng tiến hành phỏng vấn nhóm tập trung với sinh viên năm thứ ba và thứ tư ngành Sư phạm Lịch sử. Mục tiêu của hoạt động này là để lắng nghe “tiếng nói từ người trong cuộc”, tìm hiểu sâu hơn về những trải nghiệm, khó khăn, và mong muốn của chính các em trong quá trình học tập và rèn luyện năng lực tổ chức HĐTN. Việc lựa chọn sinh viên năm thứ ba và thứ tư đảm bảo rằng các em đã hoàn thành phần lớn các học phần chuyên ngành về phương pháp dạy học cũng như đã có những trải nghiệm ban đầu qua các đợt thực hành, kiến tập sư phạm.

Nội dung phỏng vấn được thiết kế xoay quanh ba chủ đề chính: (1) Nhận thức của sinh viên khi học các nội dung về HĐTN, tham gia các hoạt động trải nghiệm trong quá trình thực hành môn học; (2) Những khó khăn, vướng mắc các em gặp phải khi thiết kế và thực hành tổ chức HĐTN; (3) Những mong muốn, đề xuất của sinh viên đối với chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy của giảng viên. Các câu hỏi được xây dựng theo hướng mở, kết hợp giữa *câu hỏi trải nghiệm* (“Bạn có thể kể lại một lần khó khăn nhất khi phải thiết kế một hoạt động trải nghiệm không?”), *câu hỏi cảm xúc/thái độ* (“Bạn cảm thấy thế nào về mức độ hữu ích của các chuyến đi thực tế?”), và *câu hỏi gợi mở* (“Nếu được đề xuất, bạn mong muốn có thêm những hoạt động thực hành nào trong chương trình học?”) để tạo ra một không gian đối thoại cởi mở và chân thực.

Phân tích sâu hơn từ các cuộc phỏng vấn nhóm với sinh viên cho thấy một chủ đề xuyên suốt là *sự thiếu vắng một “không gian thực hành an toàn” để chuyển hóa kiến thức thành kĩ năng*. Sinh viên nắm khá vững các nguyên tắc lí thuyết về HĐTN nhưng lại cảm thấy hoang mang và thiếu tự tin khi đối mặt với các vấn đề thực tiễn: “*Chúng em được học rất nhiều mô hình, phương pháp hay ạ. Tuy nhiên đến lúc bắt tay vào làm một giáo án HĐTN cho bài cụ thể thì rất hoang mang. Không biết bắt đầu từ đâu, hoạt động này có khả thi không, cần bao nhiêu thời gian, rồi làm sao để quản lí lớp khi học sinh ồn ào, mất tập trung...*” (SV01 - sinh viên năm 4)

Sự hoang mang này không chỉ nằm ở khâu thiết kế mà còn bộc lộ rõ hơn ở kĩ năng tổ chức và điều khiển hoạt động. Các kĩ năng mềm như quản lí thời gian, điều phối nhóm, và đặc biệt là xử lí các tình huống sư phạm phát sinh là điểm yếu lớn nhất. Những thất bại trong các lần thực hành ít ỏi ở trường phổ thông càng làm gia tăng tâm lí e ngại của sinh viên. Trải nghiệm “cháy giáo án” của một sinh viên năm ba là một minh chứng điển hình: “*Kì trước em đi thực tập, cô giáo ở trường phổ thông có giao cho em tổ chức một trò chơi khởi động. Em cũng thiết kế một trò chơi lịch sử, nhưng đến lúc thực hiện thì bị ‘cháy’ thời gian, ảnh hưởng đến cả tiết học. Em nhận ra là mình chỉ nghĩ được ý tưởng chứ kĩ năng quản lí thời gian và xử lí tình huống phát sinh thì em còn phải rèn luyện nhiều ạ*” (SV02 - sinh viên năm 3)

- Thứ hai: từ những nhận thức và khó khăn trong thực tiễn của sinh viên, một nhu cầu rõ rệt được chính các em đề xuất là *mong muốn có thêm các hoạt động thực hành có định hướng, được phản hồi và rút kinh nghiệm ngay trong quá trình đào tạo*. Các em không chỉ muốn học lí thuyết, mà khao khát được “thử và sai” trong một môi trường được hỗ trợ, từ đó tích lũy kinh nghiệm thực tế trước khi bước vào môi trường nghề nghiệp. Đề xuất của một sinh viên rất tâm huyết đã nói

lên nguyện vọng chung của đa số: *“Chúng em rất muốn được thực hành nhiều hơn. Ví dụ, Khoa có thể tổ chức các buổi workshop nhỏ, cho chúng em dạy thử cho chính các bạn trong lớp rồi giảng viên và các bạn góp ý. Hoặc trong các chuyến đi thực tế, thay vì chỉ nghe và ghi chép, chúng em được giao nhiệm vụ đóng vai hướng dẫn viên, tự thiết kế một tour tham quan có tính giáo dục. Em nghĩ như vậy sẽ hiệu quả hơn rất nhiều.”* (SV03 - sinh viên năm 4, lớp trưởng)

Như vậy, góc nhìn từ sinh viên đã xác nhận và làm rõ hơn những “lỗ hổng” trong chương trình đào tạo, cho thấy vấn đề không chỉ nằm ở nội dung chương trình mà còn ở phương thức tổ chức đào tạo, khi chưa tạo ra đủ cơ hội và một hệ sinh thái hỗ trợ cần thiết để sinh viên có thể rèn luyện và làm chủ các kỹ năng nghề nghiệp phức tạp như năng lực tổ chức HĐTN. Từ đó, đề xuất các biện pháp để hoạt động trải nghiệm môn học được tổ chức có hiệu quả hơn trong quá trình đào tạo.

Bên cạnh phỏng vấn đối với sinh viên, nghiên cứu cũng tham vấn ý kiến từ các giảng viên và chuyên gia. Kết quả các giảng viên đều khẳng định vai trò quan trọng của HĐTN và sinh viên đã được trang bị đầy đủ nền tảng lý luận về HĐTN trong các học phần phương pháp dạy học. Tuy nhiên, do những rào cản về cấu trúc chương trình, đặc biệt là thời lượng hạn hẹp, việc tổ chức cho sinh viên thực hành, dạy thử và rút kinh nghiệm trực tiếp rất hạn chế. Hoạt động đánh giá kỹ năng do đó chủ yếu phải dừng lại ở việc chấm các kế hoạch bài dạy trên giấy tờ. Một giảng viên có 15 năm kinh nghiệm chia sẻ:

“Lý thuyết thì chúng tôi nói rất kỹ, nhưng để các em thực hành thì khó lắm. Thời lượng chương trình cứng rồi, làm sao đủ thời gian cho từng nhóm, từng sinh viên lên dạy thử, rồi rút kinh nghiệm? Thành ra chủ yếu vẫn là sinh viên về tự thiết kế giáo án rồi nộp lại, chúng tôi chấm trên giấy thôi.” (GV01)

Thực trạng “thừa lý thuyết, thiếu thực hành” này dẫn đến việc sinh viên dù hiểu nhưng không thể làm, tạo ra một lỗ hổng lớn về kỹ năng thực chiến khi ra trường, như một chuyên gia đã nhận định.

- Thứ hai các hoạt động thực hành, thực tế trong chương trình đào tạo hiện còn mang tính hình thức, chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với mục tiêu rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu. Các hoạt động như tham quan di tích, bảo tàng là cơ hội vàng để sinh viên trải nghiệm và học hỏi cách tổ chức HĐTN, tuy nhiên các chuyến đi này thường được tổ chức như những buổi tham quan, học tập ngoại khóa đơn thuần, sản phẩm thu lại chủ yếu là các bài báo cáo thu hoạch mang tính mô tả, liệt kê. Thiếu một cơ chế yêu cầu sinh viên phải biến trải nghiệm của mình thành một sản phẩm dạy học cụ thể. Một giảng viên trẻ cho biết:

“Mỗi năm Khoa đều tổ chức đi thực tế, dạy học tại thực địa, trải nghiệm theo hình thức môn học, nhưng quả thật, các em sinh viên đi với tâm thế như đi tham quan, về viết báo cáo thu hoạch là chính. Chưa có một cơ chế bắt buộc là từ chuyến đi đó, các em phải xây dựng được một sản phẩm dạy học cụ thể, một kịch bản HĐTN hoàn chỉnh.” (GV02)

Như vậy, có thể thấy rằng, dù đã có những nỗ lực nhất định nhưng công tác đào tạo và rèn luyện năng lực tổ chức HĐTN cho sinh viên Sư phạm Lịch sử vẫn còn nhiều bất cập. Những rào cản về cấu trúc chương trình và phương thức tổ chức các hoạt động thực tế chưa hiệu quả đã tạo ra một khoảng trống đáng kể giữa yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông và chất lượng đầu ra của sinh viên sư phạm. Đây chính là cơ sở thực tiễn cấp thiết, đòi hỏi phải có những giải pháp can thiệp mang tính hệ thống và đột phá.

3.2. Thảo luận về một số biện pháp sư phạm nhằm cải tiến việc tổ chức hoạt động trải nghiệm môn học cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử - trường ĐHSP Hà Nội

Phân tích kết quả phỏng vấn chuyên sâu cho thấy: mặc dù đã có những nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của HĐTN, công tác đào tạo giáo viên tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội vẫn còn một số rào cản mang tính hệ thống cần khắc phục. Các hạn chế chính bao gồm sự thiếu vắng học phần chuyên biệt, chương trình còn nặng về lý thuyết, và các hoạt động thực tế, trải nghiệm chưa được tổ chức một cách thường xuyên, có hệ thống chuyên nghiệp để rèn luyện kỹ năng cho sinh viên. Từ những phát hiện này, nghiên cứu đề xuất một hệ thống gồm bốn biện pháp sư phạm có mối quan hệ chặt chẽ, được thiết kế để khắc phục trực tiếp các “lỗ hổng” đã được xác định.

3.2.1. Đổi mới và phát triển các học phần phương pháp dạy học theo hướng tăng cường thực hành, trải nghiệm

Biện pháp này không chỉ đơn thuần là “đổi mới” nội dung các học phần hiện có, mà là chuyển đổi phương pháp tiếp cận từ “truyền thụ lý thuyết” sang “thực hành, trải nghiệm sáng tạo” ngay tại lớp học. Thay vì sinh viên chỉ nghe giảng về các mô hình HĐTN, các học phần về phương pháp dạy học sẽ được tổ chức theo các dự án nhỏ, biên mỗi buổi học thành một giờ thực hành, trải nghiệm. Sinh viên sẽ làm việc theo nhóm để giải quyết các “đơn đặt hàng” giả định từ một trường phổ thông. Cách làm này giúp sinh viên không chỉ học lý thuyết mà còn phải vận dụng ngay lập tức để tạo ra sản phẩm cụ thể. Ví dụ:

Giảng viên giao nhiệm vụ dự án “Bảo tàng trong lớp học” khi dạy học phần “Tổ chức dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông”: Với chủ đề “Văn minh Đại Việt thời Lý-Trần”, mỗi nhóm sinh viên sẽ nhận nhiệm vụ thiết kế một góc trưng bày của bảo tàng.

- *Nhóm Hiện vật*: Nghiên cứu và phục dựng (mô hình 3D, vẽ tay,...) một số hiện vật tiêu biểu (ví dụ: mô hình chùa Một Cột, hoa văn gốm sứ).

- *Nhóm Kịch bản*: Xây dựng một kịch bản sân khấu hóa ngắn (5-7 phút) tái hiện một sự kiện (ví dụ: Hội nghị Bình Than).

- *Nhóm Tương tác*: Thiết kế một trò chơi tương tác cho học sinh (ví dụ: game trắc nghiệm trên Kahoot/Quizizz về các nhân vật lịch sử, một “Phiên tòa lịch sử” giả định xử án Hồ Quý Ly).

Sản phẩm kết thúc học phần: Các nhóm sẽ kết hợp sản phẩm của mình để tạo thành một “Bảo tàng sống” và tổ chức cho các nhóm khác tham quan, trải nghiệm. Giảng viên và các sinh viên khác sẽ đóng vai trò người tham dự và đánh giá dựa trên một bộ tiêu chí rõ ràng (Rubric).

3.2.2. Xây dựng học phần tự chọn “Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử ở trường phổ thông”

Để khắc phục hạn chế về tính hệ thống, việc xây dựng một học phần chuyên biệt là cần thiết. Học phần này được thiết kế như một khóa học nâng cao, tập trung vào các kỹ năng phức hợp và tư duy sáng tạo, dành cho những sinh viên thực sự muốn đi sâu vào lĩnh vực này. Học phần sẽ cung cấp một cách bài bản các quy trình thiết kế, tổ chức và đánh giá các loại hình HĐTN phức tạp, đồng thời trang bị các kỹ năng hỗ trợ quan trọng như quản lý dự án, ứng dụng công nghệ, và kể chuyện lịch sử. Ví dụ:

- *Module “Digital Storytelling in History”*: Sinh viên sẽ học cách sử dụng các công cụ công nghệ (Canva, CapCut, Powtoon) để tạo ra các sản phẩm kể chuyện lịch sử bằng hình ảnh động, video ngắn, hoặc infographic tương tác.

- *Module “Quản lý dự án học tập Lịch sử”*: Sinh viên được trang bị kiến thức về

các bước lập kế hoạch cho một dự án dài hơi (ví dụ: dự án “Tìm hiểu lịch sử địa phương”), bao gồm cách xây dựng mục tiêu, phân chia công việc, dự trù kinh phí, quản lý rủi ro và đánh giá tác động.

- *Bài tập kết thúc học phần*: Thay vì thi viết, sinh viên sẽ làm việc theo nhóm để xây dựng một “Hồ sơ dự án HĐTN” hoàn chỉnh. Hồ sơ này phải trình bày chi tiết từ ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch triển khai, bộ công cụ thực hiện (phiếu học tập, kịch bản,...) cho đến kế hoạch truyền thông và đánh giá hiệu quả cho một chủ đề lịch sử tự chọn.

3.2.3. *Đổi mới hoạt động thực tế - thực tập mang tính chuyên nghiệp và thực tiễn*

Biện pháp này tập trung vào việc biến các hoạt động thực tế và kỳ thực tập sư phạm từ những trải nghiệm mang tính thụ động, phụ thuộc thành một chương trình học tập có mục tiêu rõ ràng, được định hướng và giám sát chặt chẽ. Mỗi hoạt động phải được gắn với một nhiệm vụ cụ thể, yêu cầu sinh viên phải vận dụng tổng hợp các kỹ năng đã học để tạo ra một sản phẩm có giá trị thực tiễn. Ví dụ:

- Trong quá trình đào tạo, khoa Lịch sử sẽ tổ chức các chuyến đi tham quan thực tế, thực hành môn học. Với các chuyến đi thực tế tại di tích (ví dụ: Thành Cổ Loa), giảng viên có thể giao nhiệm vụ cho sinh viên như sau:

+ Nhiệm vụ “Nhà giáo dục Di sản”: Trước chuyến đi, các nhóm sinh viên sẽ nhận nhiệm vụ thiết kế một “Tour giáo dục trải nghiệm” kéo dài 90 phút dành cho học sinh lớp 10 tại di tích. Tour này phải bao gồm: kịch bản dẫn chuyện, các trạm tương tác (trạm giải mã mật thư, trạm vẽ lại sơ đồ thành,...), và phiếu học tập đi kèm.

+ Thực hành: Tại di tích, mỗi nhóm sẽ có 30 phút để thực hành dẫn tour và tổ chức một hoạt động tương tác cho các bạn sinh viên khác. Giảng viên sẽ quan sát và ghi hình để làm tư liệu rút kinh nghiệm.

- *Với các đợt thực tập sư phạm*:

+ Yêu cầu bắt buộc: Trong đề cương thực tập, cần quy định rõ mỗi sinh viên phải là tác giả chính hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 dự án học tập có HĐTN tại lớp mình phụ trách.

+ Sản phẩm nộp: Cuối đợt thực tập, ngoài giáo án và báo cáo, sinh viên phải nộp một *portfolio điện tử* bao gồm: video ngắn (5-10 phút) ghi lại cảnh tổ chức HĐTN, hình ảnh sản phẩm của học sinh, và một bài viết tự phản ánh về những điều đã học được và những khó khăn đã vượt qua.

3.2.4. *Xây dựng “Hồ sơ đánh giá năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm” dựa trên bộ công cụ đánh giá đa dạng*

Để quá trình rèn luyện thực sự hiệu quả và có định hướng, cần có một hệ thống đánh giá minh bạch, bám sát quá trình và tập trung vào sự tiến bộ của người học. “Hồ sơ đánh giá năng lực” là một hình thức ghi nhận sự quá trình rèn luyện của sinh viên, ghi lại các bằng chứng về năng lực của các em thông qua các sản phẩm đã hoàn thành trong suốt quá trình đào tạo. Nó thay thế cho cách đánh giá chỉ dựa vào điểm số cuối kỳ, giúp cả giảng viên và sinh viên có cái nhìn toàn diện về sự trưởng thành trong nghề nghiệp. Cấu trúc hồ sơ sẽ có các nội dung tương ứng với các kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên; bao gồm kỹ năng thiết kế, tổ chức, tương tác, đánh giá, ứng dụng CNTT...

Từ việc tổng quan lý luận, phỏng vấn sâu giảng viên và chuyên gia, nghiên cứu xác định Năng lực tổ chức HĐTN của giáo viên Lịch sử là một cấu trúc tích hợp gồm ba thành tố cốt lõi: Kiến thức, Kỹ năng, và Thái độ. Các thành tố này có mối quan-hệ biện chứng, trong đó kiến thức là nền tảng, kỹ năng là công cụ thực thi, và thái độ là động lực thúc đẩy. Cụ thể các biểu hiện và chỉ báo của năng lực thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 1. Khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên lịch sử [1]

Các thành tố	Biểu hiện	Chỉ báo	
1. Kiến thức	1.1. Kiến thức chuyên môn Lịch sử	Sự hiểu biết sâu rộng, chính xác và cập nhật về nội dung, sự kiện, nhân vật, tiến trình lịch sử, các khái niệm và phạm trù lịch sử.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ chương trình, sách giáo khoa Lịch sử THPT. - Có khả năng giải thích, phân tích các sự kiện, hiện tượng lịch sử. - Cập nhật kiến thức lịch sử thông qua nghiên cứu, đọc tài liệu. - Có thể liên hệ kiến thức Lịch sử với thực tiễn cuộc sống.
	1.2. Kiến thức về lí luận dạy học trải nghiệm	Sự hiểu biết về lí thuyết dạy học trải nghiệm (khái niệm, nguyên tắc, quy trình, mô hình), các phương pháp, kĩ thuật tổ chức hoạt động trải nghiệm đa dạng, và cách vận dụng chúng vào dạy học Lịch sử	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững lí thuyết học tập trải nghiệm (Kolb, Dewey...). - Hiểu rõ các loại hình hoạt động trải nghiệm (nhập vai, dự án, trò chơi...). - Biết lựa chọn phương pháp, kĩ thuật phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng.
	1.3. Kiến thức về tâm lí học sinh THPT	Sự hiểu biết về đặc điểm tâm lí, nhận thức, lứa tuổi, nhu cầu, hứng thú, phong cách học tập của học sinh THPT.	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững đặc điểm phát triển tâm lí lứa tuổi THPT. - Hiểu được nhu cầu, sở thích, hứng thú của học sinh. - Nhận biết được các phong cách học tập khác nhau của học sinh
	1.4. Kiến thức về đánh giá hoạt động trải nghiệm	Sự hiểu biết về mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp, kĩ thuật đánh giá hoạt động trải nghiệm, cách sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động dạy học.	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các hình thức, phương pháp đánh giá (quan sát, sản phẩm, tự đánh giá...). - Biết xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp. - Sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh kế hoạch dạy học
	1.5. Kiến thức về nguồn lực và bối cảnh dạy học	Sự hiểu biết về các nguồn lực (cơ sở vật chất, thiết bị, tài liệu, cộng đồng...) và bối cảnh dạy học (đặc điểm trường, lớp, vùng miền, văn hóa...) có thể tận dụng để tổ chức hoạt động trải nghiệm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm rõ cơ sở vật chất, thiết bị của trường. - Biết khai thác nguồn tài liệu, học liệu. - Hiểu rõ đặc điểm học sinh, cộng đồng địa phương.
2. Kỹ năng	2.1. Kỹ năng thiết kế hoạt động trải nghiệm	Khả năng lập kế hoạch, xây dựng ý tưởng, thiết kế chi tiết các hoạt động trải nghiệm phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng, và bối cảnh dạy học.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục tiêu, nội dung hoạt động trải nghiệm phù hợp với chương trình, sách giáo khoa và đặc điểm học sinh. - Lựa chọn phương pháp, kĩ thuật tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp. - Thiết kế các hoạt động cụ thể, chi tiết, đảm bảo tính hấp dẫn, sáng tạo, đa dạng. - Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm (bài giảng, phiếu giao việc,...)
	2.2. Kỹ năng tổ chức và điều khiển hoạt động trải nghiệm	Khả năng triển khai, điều phối, quản lí các hoạt động trải nghiệm trên lớp, đảm bảo hoạt động diễn ra suôn sẻ, hiệu quả, và an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, tài liệu, phương tiện. - Hướng dẫn, giao nhiệm vụ rõ ràng, hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện hoạt động - Tạo không khí học tập tích cực, hợp tác thân thiện, khuyến khích sự tham gia của học sinh. - Điều phối hoạt động, quản lí thời gian hiệu quả. - Xử lí các tình huống sư phạm phát sinh trong quá trình tổ chức một cách linh hoạt, khéo léo. - Đảm bảo an toàn cho học sinh trong quá trình hoạt động.

Các thành tố	Biểu hiện	Chỉ báo
2.3. <i>Kỹ năng giao tiếp và tương tác</i>	Khả năng giao tiếp rõ ràng, hiệu quả, thân thiện với học sinh, tạo dựng mối quan hệ tích cực, khuyến khích sự tham gia và tương tác của học sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp với HS mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu, truyền cảm hứng. - Lắng nghe, tôn trọng ý kiến của học sinh. - Khuyến khích học sinh chia sẻ, trao đổi, hợp tác. - Tạo môi trường học tập cởi mở, tin tưởng. - Hợp tác với đồng nghiệp, phụ huynh để tổ chức hoạt động trải nghiệm
2.4. <i>Kỹ năng đánh giá hoạt động trải nghiệm</i>	Khả năng sử dụng các phương pháp, kỹ thuật đánh giá phù hợp để thu thập thông tin về quá trình và kết quả hoạt động trải nghiệm của học sinh, phân tích, đưa ra nhận xét, phản hồi kịp thời, hữu ích.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các phương pháp, kỹ thuật đánh giá đa dạng (quan sát, phỏng vấn, thu thập sản phẩm...) - Lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu hoạt động. - Phân tích, tổng hợp, thu thập thông tin đa dạng để đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của HS một cách khách quan. - Phân tích, diễn giải kết quả đánh giá chính xác. - Đưa ra nhận xét, phản hồi cụ thể, kịp thời, chính xác, mang tính xây dựng giúp HS tiến bộ. - Sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động dạy học, điều chỉnh kế hoạch, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm.
2.5. <i>Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin</i>	Khả năng sử dụng các công cụ và ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ thiết kế, tổ chức, điều khiển, và đánh giá hoạt động trải nghiệm.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thành thạo các phần mềm, ứng dụng hỗ trợ thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm. - Tìm kiếm, khai thác tài nguyên trên internet phục vụ cho hoạt động trải nghiệm. - Sử dụng các công cụ trực tuyến để tương tác, đánh giá kết quả, sản phẩm học tập trải nghiệm của HS.
3.1. <i>Niềm tin và giá trị về dạy học trải nghiệm</i>	Niềm tin vào vai trò, ý nghĩa, và hiệu quả của dạy học trải nghiệm trong việc phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh môn Lịch sử; coi trọng phương pháp dạy học này.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức rõ ưu điểm của dạy học trải nghiệm so với phương pháp dạy học truyền thống. - Tin tưởng dạy học trải nghiệm giúp học sinh hứng thú, chủ động, sáng tạo hơn trong học tập. - Đánh giá cao vai trò của trải nghiệm trong quá trình học tập.
3.2. <i>Tinh thần đổi mới và sáng tạo</i>	Thái độ cởi mở, sẵn sàng đổi mới phương pháp dạy học, tìm tòi, thử nghiệm các hình thức hoạt động trải nghiệm mới, sáng tạo, hấp dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động tìm hiểu, học hỏi các phương pháp dạy học mới. - Thích thử nghiệm, áp dụng các ý tưởng sáng tạo vào dạy học. - Không ngại thay đổi, cải tiến phương pháp dạy học.
3.3. <i>Tinh thần trách nhiệm và tận tâm</i>	Thái độ trách nhiệm cao với công việc, tận tâm, nhiệt tình, chu đáo trong việc chuẩn bị, tổ chức, và hỗ trợ học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài chu đáo, cẩn thận. - Quan tâm, hỗ trợ học sinh tận tình. - Đảm bảo hoạt động diễn ra an toàn, hiệu quả. - Sẵn sàng học hỏi, cải thiện bản thân.
3.4. <i>Hứng thú và đam mê với môn Lịch sử</i>	Niềm yêu thích, đam mê với môn Lịch sử, mong muốn truyền đạt kiến thức và cảm hứng lịch sử đến học sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự yêu thích, nhiệt huyết với môn Lịch sử trong giảng dạy. - Truyền cảm hứng, khơi gợi hứng thú học tập cho học sinh. - Thường xuyên cập nhật kiến thức về Lịch sử và phương pháp dạy học. - Tích cực tham gia các hoạt động trau dồi kiến thức chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp.

Dựa vào khung năng lực cụ thể trong bảng nói trên, sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc rèn luyện các kỹ năng từ thấp đến cao, từ cơ bản đến nhuần nhuyễn, thành thực trong quá trình học tập các học phần về phương pháp dạy học. Mỗi khi sinh viên hoàn thành một nhiệm vụ quan trọng (ví dụ: bài tập nhóm, bài tập thực hành, dự án ở học phần chuyên đề, sản phẩm từ các hoạt động dự giờ, kiến tập...), sẽ nhận được một “dấu xác nhận” từ giảng viên, kèm theo nhận xét và điểm số rubric chi tiết. “Hồ sơ đánh giá năng lực HĐTN” không chỉ là công cụ đánh giá của nhà trường mà còn trở thành một minh chứng năng lực sống động trong hồ sơ xin việc của sinh viên khi ra trường, giúp họ nổi bật hơn so với các ứng viên khác.

- Để cụ thể hóa quá trình này, bộ công cụ đánh giá sẽ được thiết kế đa dạng, bao gồm rubric từ giảng viên, phiếu đánh giá đồng đẳng và biểu mẫu tự đánh giá của sinh viên. Ví dụ, khi thực hiện dự án cuối kỳ “*Thiết kế và tổ chức một phiên tòa lịch sử giả định về nhân vật Nguyễn Ánh*” trong dạy học Lịch sử Việt Nam từ 1858 - 1884, sản phẩm nộp vào hồ sơ năng lực cần phải có bản kế hoạch dạy học chi tiết, video ghi lại cảnh các em đang điều hành phiên tòa, bản tổng hợp kết quả đánh giá chéo từ các thành viên trong nhóm, một bài viết về những tình huống sư phạm có thể phát sinh cũng như cách xử lý các tình huống đó. Thông qua bộ sản phẩm này, giảng viên có thể đánh giá được năng lực thiết kế giáo án, năng lực tổ chức và tương tác qua video, năng lực đánh giá, tư duy phản biện của sinh viên. Những minh chứng này sẽ được lưu trữ một cách hệ thống, tạo thành một lát cắt chân thực về sự tiến bộ của sinh viên, giúp việc đánh giá năng lực dạy học của các em trở nên toàn diện và khách quan hơn.

Hệ thống biện pháp được đề xuất ở trên không phải là các giải pháp đơn lẻ, mà chúng

liên kết chặt chẽ với nhau, tạo thành một hệ thống các biện pháp rèn luyện năng lực toàn diện và có chủ đích. Chu trình *Lý thuyết (Biện pháp 1, 2) → Thực hành (Biện pháp 3) → Đánh giá (Biện pháp 4)* được lặp lại ở nhiều cấp độ, tạo thành một vòng xoáy ốc đi lên, giúp sinh viên từng bước làm chủ các kỹ năng từ cơ bản đến phức tạp. Cách tiếp cận này vượt qua lối mòn của việc đào tạo theo từng môn học rời rạc, hướng tới một mô hình tích hợp, nơi mọi hoạt động học tập đều góp phần bồi đắp cho năng lực nghề nghiệp cốt lõi. Phát hiện này có ý nghĩa quan trọng, cho thấy việc nâng cao chất lượng đào tạo không chỉ là thêm hay bớt một vài học phần, mà là kiến tạo một môi trường sư phạm nơi sinh viên được “*sống trong nghề*” ngay trong quá trình đào tạo.

Các biện pháp này hoàn toàn phù hợp với các lý thuyết giáo dục hiện đại như Học tập qua trải nghiệm (Experiential Learning) của David Kolb và Đánh giá xác thực (Authentic Assessment). Mô hình “*Xưởng thực hành*” hay “*Học kỳ thực chiến*” chính là sự vận dụng sáng tạo chu trình 4 bước của Kolb (Trải nghiệm cụ thể → Quan sát và Phản ánh → Khái quát hóa → Thử nghiệm chủ động). “*Hộ chiếu Năng lực*” là một công cụ đánh giá xác thực, đo lường những gì sinh viên có thể làm được trong bối cảnh gắn với thực tế nghề nghiệp.

Về mặt thực tiễn, hệ thống giải pháp này có tính khả thi cao vì nó chủ yếu tập trung vào việc tái cấu trúc và nâng cao chất lượng các hoạt động hiện có (các học phần, các chuyến đi thực tế, kỳ thực tập) thay vì đòi hỏi những thay đổi quá lớn về cơ sở vật chất hay nhân sự. Sự đầu tư lớn nhất ở đây là về chuyên môn và thời gian của đội ngũ giảng viên trong việc thiết kế lại chương trình và xây dựng các bộ công cụ mới. Việc triển khai thành công các biện pháp này sẽ mang lại những hàm ý quan trọng:

- *Đối với sinh viên*: Các em sẽ tốt nghiệp với một bộ kỹ năng thực tiễn và một portfolio năng lực ấn tượng, tự tin đáp ứng yêu cầu của các trường phổ thông.

- *Đối với Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội*: Khẳng định vị thế tiên phong trong việc đổi mới đào tạo giáo viên, tạo ra một mô hình có thể tham khảo và nhân rộng

- *Đối với giáo dục phổ thông*: Cung cấp cho xã hội một thế hệ giáo viên Lịch sử mới, năng động, sáng tạo, có khả năng truyền cảm hứng và biến những giờ học Lịch sử khô khan trở nên sống động và ý nghĩa.

Kết luận

Hoạt động trải nghiệm là một con đường hiệu quả để nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử và hiện thực hóa các mục tiêu của Chương trình GDPT 2018. Để con đường đó được triển khai thành công, việc trang bị năng lực tổ chức HĐTN cho sinh viên sư phạm ngay trong quá trình đào tạo đóng vai trò then chốt. Bài báo đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về năng lực tổ chức HĐTN trong dạy học Lịch sử, phân tích thực trạng công tác đào tạo tại trường Đại học sư phạm Hà Nội và chỉ ra những khoảng trống cần được lấp đầy. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất một số biện pháp sư phạm khả thi, tập trung vào việc đổi mới nội dung chương trình, tăng cường thực hành và hoàn thiện hệ thống đánh giá. Việc áp dụng thành công các biện pháp này không chỉ giúp sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tự tin, chủ động và sáng tạo hơn trong việc tổ chức các hoạt động dạy học lịch sử mà còn góp phần tạo ra một thế hệ giáo viên mới có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của xã hội, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp đổi mới giáo dục phổ thông của đất nước. Kết quả nghiên cứu có thể được xem là một tài

liệu tham khảo hữu ích cho các cơ sở đào tạo giáo viên khác trong việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Phương Thanh (2025). Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên lịch sử ở trường Trung học Phổ thông. Tạp chí Khoa học Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 70(2), 10-22.
- [2] Nguyễn Thị Thanh Bình & Lê Thị Hiền (2018). Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử ở trường Trung học phổ thông. Tạp chí Giáo dục, 431(10), 34-37.
- [3] Kolb D. A. (1984). *Experiential learning: experience as the source of learning and development*. Address: Englewood Cliffs, New Jersey, Prentice - Hall.
- [4] Gibbs G. & Coffey M. (2004). The impact of training of University teachers on their teaching skills, their approach to teaching and the approach to learning of their students. *Active Learning in Higher Education*, 5(1), 87-100.
- [5] Stearns P. N., Seixas P. & Wineburg S. (2000). *Knowing, teaching, and learning history: National and international perspectives*. New York University Press, 199-222.
- [6] Hồ Thị Dung (2016). Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho Sinh viên các Trường Sư phạm hiện nay. Tạp chí Khoa học Giáo dục, 133, 32-36.
- [7] Behr T. & Temmen K. (2012). Teaching experience-improving teacher education with experiential learning. *International Journal on New Trends in Education and Their Implications*, 3(3), 60-73.
- [8] Nguyễn Thị Hằng (2017). Lý thuyết học tập trải nghiệm-Những vấn đề lý luận cơ bản và định hướng vận dụng vào tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 62, 48-57.
- [9] Phạm Thi Ly (2015). Sử dụng phương pháp dạy học trải nghiệm trong dạy học Lịch sử ở trường

trung học phổ thông. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- [10] Nguyễn Thị Phương Nga (2018). Vận dụng dạy học trải nghiệm vào dạy học một số chủ đề Lịch sử lớp 10 (chương trình chuẩn) ở trường trung học phổ thông. Luận văn thạc sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [11] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

ORGANIZING EXPERIENTIAL ACTIVITIES FOR PRE-SERVICE HISTORY TEACHERS AT HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION: PERCEPTIONS AND PRACTICES

Nguyen Thi Phuong Thanh¹, Nguyen Phuong Mai²

¹*Faculty of History, Hanoi National University of Education*

²*Faculty of Social Sciences and Tourism Culture, Hung Vuong University, Phu Tho*

Abstract

In the context of educational reform under the 2018 General Education Curriculum, developing history teachers' capacity to organize experiential activities has become an urgent requirement. This paper focuses on analyzing the current state of organizing experiential activities within the teacher training process at the Faculty of History, Hanoi National University of Education, through theoretical research and in-depth interviews with students, lecturers, and experts. The findings reveal core challenges, such as the profound gap between theory and practice and the absence of a practical environment for students to transform knowledge into skills. Based on these findings, the study proposes several measures to cultivate students' capacity to organize experiential activities, including: innovating and developing teaching methodology modules with an emphasis on experiential and practical learning; creating an advanced elective course on organizing experiential activities in history instruction; and implementing competency portfolios for process-based assessment. These solutions not only aim to enhance the quality of history teacher training at Hanoi National University of Education but also provide a highly practical reference model for other teacher education institutions nationwide.

Keywords: *Experiential activities, history teaching, history teacher education.*